

Cần Thơ, ngày 24 tháng 4 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Về việc Nhu cầu thay thế trang thiết bị y tế

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Trích Biên bản số 1818/TrBB-HĐ.KHCN ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng Khoa học Công nghệ về việc thông qua nội dung thanh lý trang thiết bị, tổng hợp nhu cầu thay thế trang thiết bị y tế và cập nhật cấu hình trang thiết bị y tế (đăng mời chào giá).

Căn cứ Trích Biên bản số 1819/BB-BVPS ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Ban Giám đốc mở rộng về việc thông qua nội dung thanh lý trang thiết bị, tổng hợp nhu cầu thay thế trang thiết bị y tế và cập nhật cấu hình trang thiết bị y tế (đăng mời chào giá).

Căn cứ Trích Biên bản số 288-TrBB/ĐBBV ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ mở rộng về việc thông qua nội dung thanh lý trang thiết bị, tổng hợp nhu cầu thay thế trang thiết bị y tế và cập nhật cấu hình trang thiết bị y tế (đăng mời chào giá).

Bệnh viện Phụ sản Thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **Nhu cầu thay thế trang thiết bị y tế**, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ sản Thành phố Cần Thơ
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Hành chính Quản trị, Số điện thoại: 0292.6518125. Gmail: hcqt.bvpstpct@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ số 106 CMT8, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
- Nội dung ghi ngoài bì thư báo giá: **Gói thầu Nhu cầu thay thế trang thiết bị y tế**. Theo yêu cầu báo giá ngày 24 tháng 4 năm 2024
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2024 đến trước 17h ngày 07 tháng 5 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Handwritten signature

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy siêu âm chuyên tim mạch	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: Năm 2023 trở về sau, mới 100%. - Đạt một trong các tiêu chuẩn sau: ISO 13485, FDA - Nguồn cung cấp: 100 – 240V/50Hz <p>2. Cấu hình thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân máy chính: 01 máy - Màn hình quan sát: 01 cái - Màn hình điều khiển cảm ứng: 01 cái - Cánh tay xoay: 01 cái - Đầu dò Convex đa tần siêu âm tổng quát: 01 cái - Đầu dò Linear đa tần siêu âm mạch máu: 01 cái - Đầu dò Sector đa tần siêu âm tim: 01 cái - Đầu dò siêu âm ngã âm đạo đa tần: 01 cái - Gói phần mềm chia sẻ các dịch vụ lâm sàng bao gồm bụng, tổng quát, mô mềm, mạch máu, cơ xương khớp, sản phụ khoa, tim người lớn: 01 bản quyền - Hỗ trợ kết nối mạng DICOM: 01 cái - Ổ ghi đĩa DVD: 01 cái - Dây điện nguồn: 01 sợi - Dây điện tim ECG : 01 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt + tiếng Anh: 01 bộ - Máy in nhiệt trắng đen (Mua tại Việt Nam): 01 cái - Máy in màu A4 (Mua tại Việt Nam): 01 cái - Bộ máy tính và phần mềm trả kết quả siêu âm (Mua tại Việt Nam): 01 bộ - Bộ lưu điện UPS online 2kVA (Mua tại Việt Nam): 01 bộ <p>3. Đặc tính và thông số kỹ thuật:</p> <p>3.1. Máy chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ sâu thăm khám : ≤ 40 cm - Dung lượng ổ cứng: ≥ 512 GB - Màn hình màu hiển thị: Màn hình quan sát LED ≥ 21 INCH <p>3.2. Bàn điều khiển và giao diện sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình điều khiển cảm ứng - Khả năng điều chỉnh TGC và LGC trên màn hình cảm ứng. - Bàn điều khiển xoay được 180 độ - Khoảng điều chỉnh bàn điều khiển lên-xuống <p>3.3. Đầu dò:</p>	Máy	01

3.3.1. Đầu dò Convex đa tần siêu âm tổng quát:

- Ứng dụng: Siêu âm bụng tổng quát người lớn, sản phụ khoa
- Dải tần số thăm khám: 2.0 – 6.0 MHz
- Các mode thu ảnh: Doppler xung (PW), tần số lặp xung cao (HPRF), Doppler màu, Doppler năng lượng, Doppler năng lượng có hướng (directional CPA), công nghệ tia đa hướng (SonoCT), lọc nhiễu lốm đốm (XRES), chế độ hòa âm mô (Harmonic)
- Hỗ trợ siêu âm can thiệp
- Hỗ trợ siêu âm cản âm
- Hỗ trợ khả năng hướng dẫn sinh thiết

3.3.2. Đầu dò Linear đa tần siêu âm mạch máu:

Ứng dụng: Siêu âm mạch máu, cơ xương khớp, mô mềm

Dải tần số thăm khám: 5.0 – 12.0 MHz

Mode thu ảnh: Doppler xung (PW), Doppler màu, Doppler năng lượng (CPA), công nghệ kết hợp chùm tia đa hướng (SonoCT), lọc nhiễu lốm đốm (XRES) và chế độ hòa âm mô (Harmonic), **siêu âm đàn hồi bán định lượng.**

- Hỗ trợ khả năng hướng dẫn sinh thiết

3.3.3. Đầu dò Sector đa tần siêu âm tim:

- Ứng dụng: Siêu âm tim người lớn
- Dải tần số thăm khám: 2.0 – 4.0 MHz
- Các mode thu ảnh: 2D, Doppler liên tục (CW), Doppler xung (PW), tần số lặp xung cao (HPRF), Doppler màu, Doppler mô, lọc nhiễu lốm đốm (XRES), chế độ hòa âm mô (Harmonic), chế độ AutoSCAN/iSCAN
- Chế độ siêu âm cản âm
- Hỗ trợ khả năng hướng dẫn sinh thiết

3.3.4. Đầu dò siêu âm ngã âm đạo đa tần:

- Ứng dụng: Siêu âm qua ngã âm đạo.
- Dải tần số thăm khám: 4.0 – 9.0 MHz
- Các mode thu ảnh: Doppler xung (PW), doppler màu, Doppler năng lượng (CPA), Doppler năng lượng có hướng (directional CPA), công nghệ kết hợp chùm tia đa hướng (SonoCT), lọc nhiễu lốm đốm (XRES), chế độ hòa âm mô (Harmonic), **siêu âm đàn hồi bán định lượng cho đầu dò Linear và đầu dò âm đạo.**
- Siêu âm cản âm
- Hỗ trợ khả năng hướng dẫn sinh thiết

4. Các phần mềm thăm khám:

- Tim người lớn
- Bụng tổng quát
- Sản khoa

	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ khoa - Mạch máu - Mô mềm - Cơ xương khớp 4.1. Phần mềm đo đạc và phân tích tim: - 4 buồng tim - TAVI (can thiệp thay van chủ) - Hẹp van - Van 2 lá nhân tạo - Các chỉ số TAPSE, MAPSE, PCWP, MPI (Chỉ số TEI) - Đo đạc thể tích bằng phương pháp diện tích/khoảng cách - Đo phân suất tống máu (EF) chế độ M (phương pháp Cubed hoặc Teichholz) - Mẫu điều chỉnh 3 điểm của Simpson - Đo EF theo phương pháp một bình diện và hai bình diện Simpson - Đo đạc diện tích, chiều dài, khối lượng và phân suất tống máu - Đo khối lượng thất trái - Đo đạc vận tốc đỉnh - Đo đạc độ chênh áp tối đa và trung bình - Đo đạc áp lực bán thời gian (P1/2T) - Đo đạc chỉ số E/A - Đo đạc độ dốc D/E - Đo đạc theo phương trình liên tục - Đo đạc chức năng tâm trương - Đo đạc cung lượng tim - Đo đạc thời gian gia tốc - Tính toán nhịp tim 4.2. Phân tích mạch máu: - Giao thức động mạch cảnh trái và phải - Tỷ lệ ICA/CCA - Đánh dấu động mạch và tĩnh mạch chi dưới và chi trên hai bên - Tỷ lệ suy giảm đường kính và diện tích - Gói đo đạc mạch đặt graft - Chú thích của người sử dụng - Phân tích thông số Doppler tự động High Q 4.3. Phân tích sản, phụ khoa - Sinh trắc học thai nhi (lên tới thai sinh 5) - Hồ sơ lý sinh - Chỉ số nước ối - Chẩn đoán sớm thai kì - Xương dài của thai nhi - Hộp sọ thai nhi 		
--	---	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích tử cung - Thể tích buồng trứng trái và phải - Nang trái và phải (10) - Độ dày nội mạc tử cung - Chiều dài cổ tử cung <p>4.4. Mô mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quát - Vú với giao thức cho bên phải và bên trái với 5 tổn thương trên một vú - Tinh hoàn <p>4.5. Các chế độ hoạt động và hiển thị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ tạo ảnh thang xám 2D với công nghệ hiện đại mã hóa xung, định dạng xung và kết hợp tần số - Chế độ M-mode - Chế độ M-mode giải phẫu - Chế độ tạo ảnh hòa âm mô (THI) với công nghệ đảo xung - Chế độ tạo ảnh tia đa hướng ở thời gian thực (SonoCT) - Chế độ tạo ảnh hòa âm mô kết hợp tia đa hướng - Có đến 5 cấp độ của công nghệ xử lý hình ảnh thích ứng - Chế độ tạo ảnh thông minh iSCAN tối ưu hóa TGC và độ lợi - Chế độ tạo ảnh đồng thời M-mode 2D - Chế độ tạo ảnh Doppler màu - Chế độ Doppler năng lượng (CPA) và Doppler năng lượng định hướng (directional CPA) - Chế độ Doppler xung (PW) tần số lặp xung cao - Chế độ tạo ảnh kép (Duplex) - Chế độ Zoom độ nét cao (writezoom) - Chế độ Zoom và di ảnh (readzoom) - Chế độ tạo ảnh màu trong 2D, M-mode và Doppler <p>4.6. Các tính năng B-mode</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối ưu hóa hình ảnh mô - Tạo ảnh so sánh hình ảnh động; so sánh hình ảnh 2D siêu âm ở thời gian thực với hình ảnh được lưu hay ảnh lấy từ hệ thống chẩn đoán hình ảnh khác. - Chế độ tạo ảnh mở rộng trường nhìn WideSCAN <p>4.7. Các tính năng M-Mode</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trên mọi đầu dò <p>4.8. Các tính năng Doppler</p> <p>4.8.1. Doppler phổ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu chỉnh góc và tự động điều chỉnh tỷ lệ vận tốc - Chế độ xem lại Doppler cho phép phân tích lại các dữ liệu Doppler - Điều chỉnh kích thước cửa sổ lấy mẫu 		
--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ tạo ảnh đồng thời hoặc màn hình chia đôi - Tần số lặp xung cao (high PRF) được tích hợp trong tất cả các mode - Dải PRF 200 Hz- 34 KHz tùy vào đầu dò và ứng dụng <p>4.8.2. Doppler màu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiển thị ảnh màu so sánh kép (ảnh đen trắng bên trái và ảnh màu bên phải) - Tạo ảnh đồng thời với chế độ Doppler xung PW - Khả năng lái tia ± 20 độ trên đầu dò linear - Hậu xử lý bao gồm đường cơ sở, đảo màu, bản đồ màu, ưu tiên ghi màu, pha trộn, thu phóng - Điều chỉnh màu vùng quan tâm (ROI) bằng con lăn: kích thước và vị trí - Chế độ tạo ảnh Doppler màu PRF tối đa 34 KHz, tùy vào đầu dò và ứng dụng thăm khám <p>4.8.3. Doppler liên tục (CW)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể lái tia ≤ 90 độ - Vận tốc tối đa ≤ 19 m/giây (tùy vào đầu dò) <p>4.8.4. Doppler năng lượng (CPA)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ có độ nhạy cao để quan sát mạch nhỏ - Điều khiển riêng cho độ lợi, các bộ lọc, nhạy cảm, ưu tiên ghi tiếng vang, và màu sắc nghịch - CPA PRF tối đa 34 KHz, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng lâm sàng <p>4.8.5. Chế độ Doppler mô (TDI/TDI PW)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh tốc độ thu hình: thu hình tốc độ cao chuyển động của mô (tối đa 240 khung hình/giây) - Điều chỉnh độ sáng TDI gain, TGC và LGC thích hợp - Chức năng TDI Opt: tối ưu hóa tần số truyền và nhận - Có sẵn chế độ TDI M-mode và TDI-PW, tùy theo đầu dò và ứng dụng <p>4.8.6. Bộ nhớ ảnh Cine</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu ảnh 2D/Màu - Dữ liệu Doppler/M-Mode - Dữ liệu Doppler liên tục - Khả năng cắt dữ liệu 2D - Hiển thị trên màn hình số lượng ảnh 2D hiện tại <p>4.8.7. Lưu trữ dữ liệu và khả năng ghép nối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dùng có thể cài đặt chức năng tự động xóa - Truy vấn, đo đạc và chỉnh sửa dữ liệu trên màn hình - Thiết bị lưu trữ được hỗ trợ (DVD, CD, USB) - Nhập hình ảnh DICOM. 		
2	Máy siêu âm tổng quát	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: Năm 2023 trở về sau, mới 100%. - Đạt một trong các tiêu chuẩn sau: ISO 13485, FDA - Nguồn điện cung cấp: 100 – 240V/50Hz 	Máy	03

2. Cấu hình thiết bị:

- Máy chính thiết kế dạng xe đẩy.
- Đầu dò Convex đa tần dùng cho khám bụng, sản khoa, phụ khoa, nhi
- Tần số từ 2.5 đến 9.1 MHz
- Đầu dò Volume Microconvex đa tần dùng cho khám sản khoa, phụ khoa, trực tràng. Tần số từ 2.9 đến 9.7 MHz
- Đầu dò Linear đa tần dùng cho khám bộ phận nhỏ, mạch ngoại vi, nhi, cơ xương khớp, tuyến vú. Tần số từ 4.0 đến 12.0 MHz.
- Đầu dò Volume Convex đa tần dùng cho khám bụng, sản khoa, phụ khoa, nhi khoa. Tần số từ 2.0 đến 8.0 MHz.
- Phụ kiện:
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt chính hãng xuất bản.
- Bộ lưu điện UPS online \geq 2KVA.
- Hệ thống máy vi tính với cấu hình tối thiểu:
- CPU: Intel \geq i5 3GHz, Ram \geq 4 GB, HDD \geq 500 GB
- Màn hình vi tính: \geq 17 inch.
- Máy in màu dùng mực nước
- Máy in nhiệt trắng đen
- Phần mềm báo cáo kết quả tiếng Việt.

3. Yêu cầu kỹ thuật:**3.1. Máy chính:****Lĩnh vực thăm khám**

- Ứng dụng: dùng cho thăm khám sản khoa, phụ khoa, ổ bụng, bộ phận nhỏ, tuyến vú, mạch máu, nhi khoa, tim mạch, trực tràng, thần kinh, cơ xương khớp.

Phương pháp quét

- Convex điện tử
- Linear điện tử
- Sector điện tử
- Quét khối cơ học

Các đầu dò có thể dùng được với máy

- Đầu dò Convex
- Đầu dò Linear
- Đầu dò Microconvex
- Đầu dò Sector
- Đầu dò khối 4D Convex
- Đầu dò khối 4D Microconvex

Thông số hệ thống:

- Màn hình
- LCD LED
- Màn hình cảm ứng:
- Công nghệ cảm ứng đa điểm

	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh độ sáng tối - Số ổ cắm đầu dò đồng thời ≥ 4 cổng - Độ sâu ảnh hiển thị tối thiểu ≥ 1 cm - Độ sâu ảnh hiển thị tối đa ≤ 42 cm - Ổ cứng lưu trữ ≥ 500 GB - Hệ điều hành: Window hoặc tương đương <p>Các mode hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - B-mode (2D) - M-mode - Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao (PW) - Mode Doppler dòng màu (CFM) - Mode Doppler năng lượng (PD) - Mode Doppler năng lượng có độ nhạy cao (HD-Flow) - Mode kết hợp : M/CF, M/Doppler năng lượng có độ nhạy cao (HD-Flow), <p>Siêu âm vi mạch (Microvascular Flow) : khảo sát hình ảnh các vi mạch máu nhỏ trong đánh giá không u lành/ ác.</p> <p>Siêu âm đàn hồi bán định lượng cho đầu dò linear và Volume microconvex.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mode 3D/4D gồm hình 3D tĩnh, hình 4D thời gian thực <p>Kiểu hiển thị hình ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng hiển thị đồng thời - B+PW - B+CFM hoặc PD - B+ Doppler năng lượng có độ nhạy cao (HD-Flow) - B+M - B+3D, B+4D - B/Doppler năng lượng có độ nhạy cao (HD-Flow) + Hình ảnh tăng nét (CRI) + Hình ảnh giảm nhiễu (SRI) - B/CFM + Hình ảnh tăng nét (CRI) + Hình ảnh giảm nhiễu (SRI) - Hiển thị 3 chế độ đồng thời Triplex - B/CFM/PW - B/PD/PW - B/Doppler năng lượng có độ nhạy cao (HD-Flow)/PW - Có thể lựa chọn xen kẽ giữa các Mode - B + PW - B/CFM + PW - B/PD + PW - B/Doppler năng lượng có độ nhạy cao (HD-Flow) + PW - B+CFM hoặc PD hoặc Doppler năng lượng có độ nhạy cao (HD-Flow) <p>Hỗ trợ tối ưu hóa và xử lý hình ảnh</p>		
--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Automatic Optimization: Phần mềm tối ưu hóa chất lượng hình ảnh và Auto TGC: gain từng phần (TGC) tự động với chỉ một nút bấm - Auto PRF: Phần mềm tối ưu hóa tần số lặp xung (PRF) tự động - CrossXBeamCRITM (Compound Resolution Imaging): Phần mềm kết hợp các chùm tia chéo góc làm tăng độ nét các đường bờ mô - Speckle Reduction Imaging (SRI): Phần mềm giảm nhiễu hạt, tăng cường độ mịn và chất lượng hình ảnh siêu âm. - Coded Harmonic Imaging with Pulse Inversion Technology: Phần mềm tạo ảnh hài hòa mô mã hóa đảo xung giúp cho hình ảnh siêu âm sắc nét hơn. <p>Các tính năng hỗ trợ bác sĩ sử dụng</p> <p>Siêu âm vi mạch (HDFlow): Doppler màu có độ nhạy cao, dễ dàng bắt các dòng chảy có vận tốc nhỏ.</p> <p>RadiantFlow: Doppler màu có độ nhạy và độ phân giải cao, hình ảnh dòng chảy có độ bóng như dòng chảy thật</p> <p>HD Zoom: Phóng đại hình siêu âm nhưng không làm suy giảm chất lượng hình tối đa 22 lần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Virtual Convex: Chức năng mở rộng trường quan sát cho đầu dò Linear và Sector - Wide Sector: Chức năng hiển thị góc rộng trên đầu dò Convex và Phụ khoa - Chức năng cài đặt nút chuyển đổi nhanh đầu dò và chương trình siêu âm <p>STIC: phần mềm siêu âm tim thai 4D cho phép tái tạo hình ảnh động đa lát cắt</p> <p>SonoVCADheart: phần mềm thu nhận dữ liệu khối của tim thai, tự động nhận diện và tái tạo 8 nhóm mặt cắt tiêu chuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tái xử lý, tối ưu hóa hình ảnh đã lưu trữ trên máy. <p>Phần mềm 3D HYCOSY: phần mềm dựng hình 3D ống dẫn trứng khi siêu âm ống dẫn trứng bằng chất tương phản.</p> <p>Chức năng đo đạc và phân tích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phép đo cơ bản - Các phép đo trên M-mode - Các phép đo trên Mode PW - Gói tính toán chuyên ổ bụng - Gói tính toán chuyên mô mềm, phần nông - Gói tính toán chuyên tuyến vú - Gói tính toán chuyên sản khoa - Động mạch cảnh trong (ICA) - Động mạch cảnh ngoài (ECA) 		
--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Động mạch xương sống trái/phải - Gói tính toán chuyên phụ khoa Thu nhận hình ảnh 4D theo thời gian thực Thông số kỹ thuật M Mode Thông số kỹ thuật Mode Doppler màu (CFM) - Định dạng hiển thị : 2D+CFM (hình đơn , chia đôi, chia bốn) Thông số kỹ thuật mode Doppler năng lượng (PD) - Định dạng hiển thị : 2D+PD (hình đơn , chia đôi, chia bốn) Thông số kỹ thuật Mode Doppler xung (PW) - Tần số lặp xung PRF: PW từ 0.9 kHz đến 22 kHz Thông số kỹ thuật Mode Doppler năng lượng độ nhạy cao - Tần số lặp xung PRF từ 100Hz đến 20.5kHz Khả năng kết nối - Cổng HDMI Out - Cổng VGA out - Cổng kết nối USB - Kết nối mạng Ethernet (RJ45) 3.2. Đầu dò: 3.2.1. Đầu dò Convex đa tần số - Ứng dụng: bụng, sản khoa, phụ khoa, nhi - Dải tần: từ 2.5 đến 9.1 MHz 3.2.2. Đầu dò Volume Microconvex (4D Microconvex) đa tần số - Ứng dụng: sản khoa, phụ khoa, trực tràng - Dải tần: từ 2.9 đến 9.7 MHz. 3.2.3. Đầu dò Linear đa tần số - Ứng dụng: bộ phận nhỏ, nhi, cơ xương khớp, mạch máu tuyến vú, - Dải tần: từ 4.0 đến 12.0 MHz 3.2.4. Đầu dò Volume Convex đa tần số - Ứng dụng: bụng, sản khoa, phụ khoa, nhi khoa - Dải tần: từ 2.0 đến 8.0 MHz. 		
3	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	1. Cấu hình <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính : 01 cái - Đầu dò đo tim thai FHR : 2 cái (đo song thai) - Đầu dò cơn co TOCO : 01 cái - Đánh dấu : 01 cái - Đại buộc đầu dò : 03 cái - Giấy in : 03 tập - Đầu dò nhiệt độ qua da : 01 cái - Cảm biến SpO2 dành cho người lớn sử dụng nhiều lần: 01 cái - Bao đo huyết áp người lớn (25-35cm) : 01 cái 	Máy	09

		<ul style="list-style-type: none"> - Dây đo huyết áp với cổng kết nối: 01 cái - Dây cáp ECG : 01 cái - Dây nguồn : 01 cái - Gel siêu âm: 01 lọ - Pin sạc : 01 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ <p>2. Đặc tính kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng theo dõi song thai - Màn hình hiển thị dạng sóng và số lớn - Màn hình chạm màu cảm ứng - Tính năng chống chồng chéo trong việc phân biệt nhịp tim song thai - Theo dõi liên tục các thông số cho sản phụ: ECG (điện tim), NIBP (huyết áp không xâm lấn), SpO2 (nồng độ oxy trong máu), Nhịp tim, nhiệt độ - Đầu dò tim thai chống thấm nước - Máy in nhiệt tích hợp - Tốc độ in nhanh $\geq 15\text{mm/ giây}$ cho lịch sử dữ liệu - Bộ nhớ lớn, tích hợp để theo dõi liên mạch - Cổng USB để nâng cao khả năng lưu trữ - Giao diện RS232 - Phần mềm cho việc quản lý dữ liệu trên máy tính - Kết nối Trạm trung tâm để giám sát từ xa - Có khả năng phân tích CTG - Chức năng đa cảnh báo - Chức năng đánh dấu từ xa - Thuận tiện cho việc mang vác và di chuyển 		
4	Máy hấp nhiệt độ cao	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2023 - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001 và ISO 13485 - Nguồn điện cung cấp: 400 VAC, 3 pha, 50 Hz <p>1. Cấu hình</p> <p>Máy chính : 01 cái Xe chuyển đồ : 01 cái Khung nạp đồ tiệt trùng : 01 cái Giò đựng đồ tiệt trùng : 06 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ</p> <p>2. Tính năng kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy thiết kế theo tiêu chuẩn EN 285 và 93/42/EEC hoặc tương đương. - Bề mặt trước làm bằng thép, phủ sơn hoặc tương đương. - Máy có các biểu tượng có đèn nền hiển thị trạng thái chu trình, các báo động trong chu kỳ 	Cái	01

		<ul style="list-style-type: none"> - Máy giám sát chu trình nhờ việc đo nhiệt độ và áp suất. Buồng tiết trùng - Buồng tiết trùng có thể tích ≥ 440 lít. - Buồng tiết trùng và lớp áo nước jacket bằng thép không gỉ 316L hoặc tương đương. - Cửa tự động, bằng thép không gỉ 316L hoặc tương đương. Bộ tạo hơi nước tích hợp - Máy tích hợp bộ tạo hơi nước, bằng thép không gỉ 316L hoặc tương đương, đặt dưới buồng tiết trùng. - Bình chứa nước của bộ tạo hơi nước có bộ phận thu hồi nhiệt. - Hệ thống tạo chân không venturi bằng ejector và bơm nước tuần hoàn hoặc tương đương. - Máy tích hợp máy nén khí - Công suất tiêu thụ danh định: ≤ 55 kW - Máy có thể kết nối với hệ thống truy suất dữ liệu. 		
5	Máy đo âm ốc tai (OAE)	<p>Thông số kỹ thuật: Sàng lọc âm ốc tai theo 2 chế độ DP và TE OAE Đầu đo HDMI Probe tích hợp Microphone "Thông số kỹ thuật TEOAE: + 2 Protocol cố định + Dải tần số đo: 1.5, 2, 2.5, 3, 3.5, 4 kHz + SNR: 4 dB + Chuẩn đạt: 3 tần số ở 4 dB SNR + Thời gian trung bình tối đa: 32 và 64 giây" "Thông số kỹ thuật DPOAE: + 2 Protocol cố định + Dải tần số đo: 2, 3, 4 và 5 kHz + SNR: 6 dB + Chuẩn đạt: 3 tần số ở 6 dB SNR + Thời gian trung bình: 2 và 4 giây" Chiết xuất được kết quả đo sang file PDF Phần mềm quản lý dữ liệu bệnh nhân đi kèm Trả kết quả qua bản in màu A4 Thời gian của pin lên đến 15 giờ Phụ kiện đi kèm: Hộp núm tai các cỡ: 01 hộp Đầu đo: 01 cái Đốc sạc: 01 bộ Dây nguồn: 01 bộ USB cài đặt phần mềm: 01 bộ Dây kết nối USB A/Micro-B, 2 M: 01 cái Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Việt</p>	Cái	02

6	Máy nhân gen PCR	<ul style="list-style-type: none"> - Máy sử dụng công nghệ gia nhiệt giúp tạo được ≥ 3 vùng nhiệt độ lập. - Máy có khả năng kết nối hệ thống điện toán đám mây có thể truy cập thiết bị từ xa. - Định dạng block gia nhiệt $\geq 96 \times 0,2\text{ml}$ - Tốc độ gia nhiệt tối đa trên block: $\geq 4^\circ\text{C}/\text{giây}$ - Tốc độ gia nhiệt tối đa trong mẫu phản ứng: $\geq 3^\circ\text{C}/\text{giây}$ - Độ chính xác nhiệt độ: $\leq 0,25^\circ\text{C}$ (trong khoảng $35-99,9^\circ\text{C}$) - Dải nhiệt độ: $0-100,0^\circ\text{C}$ - Độ đồng đều nhiệt độ trên block: $\leq 0,5^\circ\text{C}$ (trong vòng 30 giây sau khi đạt nhiệt độ 95°C) - Thể tích phản ứng PCR: $\leq 10 - \geq 100\mu\text{L}$ - Bộ nhớ máy: bộ nhớ tích hợp $\geq 2000\text{MB}$ cho lưu ≥ 1000 chương trình nhiệt và có thể mở rộng bộ nhớ bằng thẻ USB. - Màn hình điều khiển: màn hình màu cảm ứng LCD hoặc tương đương, kích thước màn hình ≥ 8 inch hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: $100-240\text{V}$, $50/60\text{Hz}$ - Block nhiệt: block nhiệt có thể tạo 3 vùng nhiệt độ lập, khoảng chênh nhiệt tối đa $\geq 20^\circ\text{C}$ (chênh tối đa $\geq 10^\circ\text{C}$ giữa 2 vùng lân cận) - Máy có khả năng kết nối dữ liệu tương tự như điện toán đám mây hoặc di động qua Ethernet hoặc Wi-Fi. - Cấu hình cung cấp <p>Thân máy chính kèm block và các phụ kiện tiêu chuẩn của nhà cung cấp</p>	Máy	01
---	------------------	--	-----	----

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Hồ sơ: Phòng TCKT, VTTTBYT.

KT GIÁM ĐỐC *on hok*
PHÓ GIÁM ĐỐC
 BỆNH VIỆN PHỤ SẢN
 THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Nguyễn Thụy Thúy Ái



TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Số thứ tự theo Thông báo yêu cầu báo giá	Mã vật tư theo Thông báo yêu cầu báo giá	Tên hàng hóa/ Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa/ tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho các DV liên quan	Thuế, lệ phí (nếu có) (11*12) * Thuế suất	Thành tiền (VNĐ) (11*12) +13+14	Đơn giá (có VAT)	Tiêu chuẩn chất lượng (nếu có)	Thông tin kê khai giá	
																	Giá kê khai (nếu có)	Mã kê khai (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng tiền:																		

(Số tiền bằng chữ:.....)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 6 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



Ghi chú: Hướng dẫn cung cấp thông tin Báo giá theo số thứ tự các cột

- (1) Ghi số thứ tự theo Báo giá.
- (2) Ghi số thứ tự đúng theo thông báo yêu cầu báo giá.
- (3) Ghi mã vật tư đúng theo thông báo yêu cầu báo giá (nếu có).
- (4) Ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (5) Ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (6) Ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế (nếu có).
- (7), (8) Ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (9) Ghi mô tả về hàng hóa, tính năng kỹ thuật.
- (10), (11) Ghi đơn vị tính, số lượng đúng theo danh mục đính kèm Thông báo yêu cầu chào giá.
- (12) Ghi đơn giá chưa bao gồm chi phí DV khác (nếu có), Thuế, phí..
- (13) Ghi chi phí dịch vụ liên quan (nếu có)
- (14) Ghi mức thuế theo quy định. ($= (11 \times 12) \times \% \text{Thuế xuất}$)
- (15) Ghi trị hàng hóa đã bao gồm chi phí dịch vụ (nếu có) và Thuế ($= (11 \times 12) + 13 + 14$)
- (16) Đơn giá bao gồm thuế VAT của một đơn vị tính.
- (17) Ghi rõ Tiêu chuẩn chất lượng.
- (18), (19) Ghi rõ giá kê khai, mã kê khai trong thời gian gần nhất và còn hiệu lực.